

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

SOME SOLUTIONS TO PERFECT MECHANISMS AND POLICIES FOR SOCIALIZATION OF EDUCATION IN VIETNAM AT PRESENT

PHẠM CÔNG HIỆP^(*)

^(*)Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, *pchiep@iemh.edu.vn*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 22/01/2018 Ngày nhận lại: 05/5/2018 Duyệt đăng: 16/7/2018 Mã số: TCKH18-B05-2018 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: Xã hội hóa giáo dục, cơ chế, chính sách, quản lý nhà nước.</p> <p>Key words: Socialization of education, mechanisms, policies, state management.</p>	<p><i>Căn cứ quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xã hội hóa giáo dục trong thời gian qua, dựa trên cơ sở xem xét, đánh giá của các công trình khoa học, đề tài nghiên cứu và tổng kết thực tiễn công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường, khuôn khổ, hành lang pháp lý cho hoạt động xã hội hóa giáo dục và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này.</i></p> <p>ABSTRACTS</p> <p><i>Based on the viewpoints, guidelines and policies of the Party and the State on the socialization of education in the past time, based on the consideration and evaluation of scientific works and research subjects. Reviewing and reviewing the state management of education and training, the paper proposes a number of solutions to improve the mechanism and policies to create the environment, framework and legal corridor for activities, socialization of education and state management of this activity.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội hóa công tác giáo dục trong điều kiện, nguồn lực hiện nay của nước ta là việc làm hết sức cần thiết và có vai trò vô cùng quan trọng để phát triển sự nghiệp giáo dục, điều này được khẳng định tại văn kiện Đại hội VIII của Đảng: “Xã hội hóa công tác giáo dục là huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của nhà nước”.

Trong các nhóm nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện việc đổi mới căn bản toàn diện, giáo dục, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI tiếp tục xác định: “Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo

dục và đào tạo”. Như vậy, xã hội hóa hoạt động giáo dục là một trong những nội dung và là giải pháp để phát triển giáo dục và đào tạo. Do đó, thực hiện xã hội hóa giáo dục cần phải làm rõ vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở, căn cứ cho việc triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục một cách thiết thực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo của đất nước hiện nay.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

Công tác xã hội hóa giáo dục chính thức được xác lập tại văn kiện hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII với quan điểm chỉ đạo: “Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của nhà nước theo phương châm các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”.

Bám sát quan điểm, chỉ đạo của Đảng về công tác xã hội hóa, Nhà nước thể chế hóa thành hệ thống các văn bản quản lý nhà nước đối với hoạt động này: Nghị quyết số 90/CP ngày 21 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị quyết số 73/1999/NQ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-

CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án “Đổi mới cơ chế và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ hóa trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập.

Qua hệ thống văn bản trên, cho thấy chính sách về xã hội hóa các hoạt động thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, triển khai khuyến khích thực hiện một cách xuyên suốt nhất quán, trong đó có chính sách xã hội hóa giáo dục.

3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

Xuất phát từ thực tiễn khách quan của hoạt động giáo dục và đào tạo, xã hội hóa công tác giáo dục ở Việt Nam là một trong những chủ trương và là giải pháp cần thiết mà Đảng và Nhà nước ta triển khai thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Một là, giáo dục là một lĩnh vực của đời sống xã hội nên tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần xã hội trong và

ngoài có đủ điều kiện, nguồn lực khả năng, được cùng tham gia với nhà nước thực hiện hoạt động giáo dục. Mặt khác thông qua các hoạt động thực tiễn xã hội luôn đặt ra yêu cầu cần phải cung cấp kiến thức, kỹ năng, tay nghề, phẩm chất đạo đức, nhân cách người lao động một cách thường xuyên, liên tục trong thời đại công nghệ số cho nên việc xã hội hóa các hoạt động giáo dục nhằm tạo tiền đề cho hoạt động giáo dục gắn với xã hội đáp ứng yêu cầu của xã hội đặt ra.

Hai là, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước ta thực hiện việc chuyển đổi cơ chế quản lý từ bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên đòi hỏi công tác quản lý nhà nước về giáo dục cũng phải chuyển đổi theo. Cơ chế quản lý tập trung trước đây trong giáo dục làm cho hoạt động giáo dục rơi vào thể đơn độc không thu hút được các nguồn lực xã hội, nên đầu tư cho hoạt động giáo dục có phần hạn chế dẫn đến chất lượng giáo dục không cao không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với cơ chế hiện nay trong bối cảnh nước ta hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới trong khi nguồn lực đầu tư của nhà nước có hạn, nên cần xã hội hóa để tranh thủ huy động thêm các dạng nguồn lực khác của xã hội đầu tư cho giáo dục.

Ba là, xã hội hóa giáo dục là con đường để thực hiện dân chủ hóa giáo dục, hoạt động giáo dục mang đặc thù về tính chuyên môn, chuyên nghiệp nhằm cung ứng sản phẩm, dịch vụ giáo dục và đào tạo nên nhà nước không can thiệp, bao biện, làm thay mà chỉ tạo cơ chế, chính sách, môi trường, khuôn khổ cho hoạt động này theo hướng ngày càng phân định rõ giữa công tác quản lý nhà nước về giáo dục với quản trị cơ sở giáo dục, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động giáo dục của đơn vị sự nghiệp giáo dục.

Bốn là, xã hội hóa giáo dục còn nhằm mục đích tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động giáo dục nhằm mở rộng giao lưu hợp tác trong hoạt động giáo dục từ phạm vi nhà trường, vùng, miền cho đến quốc gia, khu vực, quốc tế. Qua đó, tạo điều kiện, cơ hội giúp cho giáo dục và đào tạo nước ta tiếp thu tinh hoa, thành tựu giáo dục thu hút thêm nguồn lực đầu tư cho hoạt động giáo dục thực hiện việc giao lưu hợp tác quốc tế trong giáo dục góp phần đưa giáo dục và đào tạo nước ta hội nhập, tiệm cận với chuẩn mực chung của nền giáo dục và đào tạo thế giới.

4. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Như đã nêu ở trên, xã hội hóa giáo dục không có nghĩa làm giảm nguồn lực đầu tư và vai trò của nhà nước trong hoạt động giáo dục, đây không phải là một ý đồ chiến thuật được vận dụng một cách nhất thời cho một giải pháp tình thế mà là một chính sách lâu dài trong việc thực hiện các chính sách xã hội hóa của Đảng và Nhà nước ta với mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ, cụ thể rõ ràng.

4.1. Về nội dung xã hội hóa giáo dục

Một là, huy động xã hội tham gia xây dựng môi trường thuận lợi cho giáo dục, chú trọng các lực lượng gia đình, nhà trường và xã hội tham gia hoạt động giáo dục, trong đó lực lượng gia đình được xem là yếu tố nền tảng, cơ bản; nhà trường là nhân tố cần thiết không thể thiếu và lực lượng xã hội là nhân tố quan trọng để tạo nên môi trường thuận lợi cho hoạt động giáo dục nhằm gắn kết giáo dục với gia đình nhà trường và xã hội theo hướng cộng đồng trách nhiệm.

Hai là, huy động nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình giáo dục thể hiện qua việc các lực lượng xã hội trong và ngoài nước, địa phương, địa bàn tham gia đóng góp ý kiến vào nội dung, phương pháp giáo dục, quản lý, đánh giá kết quả giáo dục. Đề xuất, đề đạt chính sách giáo dục thông qua các kênh để thực hiện

quyền của công dân trong việc đóng góp ý kiến và giám sát hoạt động giáo dục.

Ba là, huy động các lực lượng tham gia vào quá trình đa dạng hóa các hình thức học tập và các loại hình cơ sở giáo dục. Nhà nước bằng cơ chế, chính sách tạo điều kiện để các lực lượng xã hội và cá nhân thuộc cách thành phần kinh tế tham gia thành lập các cơ sở giáo dục với các hình thức học tập, ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo để cùng cơ sở giáo dục của Nhà nước đáp ứng nhu cầu giáo dục của xã hội theo hướng đa dạng và chất lượng.

Bốn là, huy động các nguồn lực đầu tư của xã hội cho giáo dục bao gồm các nguồn lực về tài chính, con người, vật chất, trang thiết bị, phương tiện... để góp phần cùng với nhà nước bổ sung, tăng thêm nguồn lực cho giáo dục nhất là những khu vực vùng sâu, xa, cao, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn nhằm giảm bớt khoảng cách về giáo dục, đảm bảo tính công bằng trong thụ hưởng dịch vụ giáo dục.

4.2. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

4.2.1. Về mục tiêu xã hội hóa giáo dục: Việc thực hiện xã hội hóa giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu đó là tạo ra một xã hội học tập, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện tại và tương lai.

4.2.2. Về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

Một là, vận động toàn dân tham gia sự nghiệp giáo dục nhằm tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội theo nhiều hình thức; vận động toàn dân, trước hết là những người trong độ tuổi lao động, thực hiện học tập suốt đời để làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn và có cuộc sống tốt đẹp hơn, làm cho xã hội ta trở thành một xã hội học tập.

Hai là, Nhà nước tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách; tăng nguồn lực đầu tư, đồng thời đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư; tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, y tế, văn hóa,

thể dục thể thao; hỗ trợ các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người; ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo trên cơ sở đổi mới chế độ miễn, giảm phí theo hướng công khai, hợp lý và cấp trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

Ba là, chuyển các cơ sở công lập đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ cung ứng dịch vụ công ích không bao cấp tràn lan và không nhằm lợi nhuận. Đổi mới chế độ thu phí đi đôi với việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo. Mức phí quy định theo nguyên tắc đủ trang trải các chi phí cần thiết, có tích lũy để đầu tư phát triển và xoá bỏ mọi khoản thu khác trong hoạt động giáo dục.

Bốn là, phát triển mạnh các cơ sở giáo dục, ngành nghề nhằm đa dạng hóa loại hình giáo dục, khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của từng lĩnh vực bảo đảm lợi ích hợp pháp về vật chất và tinh thần của nhà đầu tư, người thụ hưởng có quyền lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ phù hợp với từng lĩnh vực mà mình mong muốn được học tập, đào tạo.

Năm là, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, hợp tác giáo dục với nước ngoài để tăng thêm nguồn lực phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Sáu là, Nhà nước tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện luật pháp; phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc giám sát các hoạt động dịch vụ, Nhà nước tạo môi trường phát triển, môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo luật pháp để thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập phát triển cả về quy mô và chất lượng, xây dựng các cơ sở đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

5. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

5.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về xã hội hóa giáo dục

5.1.1. Về cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo

Một là, cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện văn kiện hội nghị lần hai, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về nội dung thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về xã hội hóa giáo dục từ Trung ương đến các cấp ủy đảng bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện công tác này, trên cơ sở đó đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hiệu quả trong thời gian tới. Nên chăng cần nghiên cứu, ban hành nghị quyết chung về công tác xã hội hóa và hội nghị chuyên đề thực hiện công tác xã hội hóa ở các ngành, lĩnh vực được ưu tiên xã hội hóa trong đó có giáo dục với nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, khả thi.

Hai là, về công tác quán triệt, triển khai: với hệ thống nghị quyết được ban hành bao gồm cả nghị quyết chung định hướng và nghị quyết chuyên đề cần đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục quán triệt, triển khai đối với các tổ chức Đảng ở cấp Trung ương, địa phương, tổ chức Đảng cơ sở thuộc các cơ sở giáo dục và đào tạo. Trong đó, đặc biệt chú trọng vai trò của tổ chức Đảng trong các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo và cơ sở giáo dục đào tạo, đảm bảo các tổ chức Đảng tại các cơ quan, đơn vị này được quán triệt một cách đầy đủ, trọn vẹn, toàn diện, vững chắc, chuyên sâu nhất; trên cơ sở đó triển khai thành các chương trình hành động cụ thể để lãnh đạo việc triển khai thực hiện hiệu quả nghị quyết của Đảng về xã hội hóa đối với hoạt động giáo dục.

Ba là, về công tác thể chế hóa quan điểm, chủ trương xã hội hóa giáo dục: trên cơ sở các nghị quyết và văn bản đã được ban hành, Đảng cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai, thể chế hóa chủ trương, định hướng chính trị

của Đảng về xã hội hóa giáo dục thành chính sách, pháp luật, quyết định quản lý cụ thể tạo cơ sở pháp lý và căn cứ đầy đủ, hoàn thiện cho hoạt động giáo dục và đào tạo trong đó có công tác quản lý nhà nước và huy động nguồn lực xã hội tham gia hoạt động giáo dục.

Bốn là, về công tác kiểm tra, đánh giá: nên thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng về công tác này đối với tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên giữ vị trí lãnh đạo nhất là ở các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục và đào tạo. Nên chăng đưa tiêu chí triển khai thực hiện nghị quyết Đảng về đổi mới giáo dục đào tạo, việc huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động giáo dục thành tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn về giáo dục và đào tạo.

5.1.2. Về cơ chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xã hội hóa giáo dục

Một là, rà soát hệ thống văn bản quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo: cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cần tiến hành rà soát hệ thống văn bản quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong đó có chính sách về xã hội hóa theo hướng đánh giá toàn bộ giá trị pháp lý, hiệu lực thi hành, khả năng điều chỉnh các quan hệ trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo và xã hội hóa giáo dục, cần mạnh dạn đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản lạc hậu so với tình hình thực tế theo hướng hoàn thiện và luật hóa các hoạt động xã hội hóa giáo dục.

Hai là, đánh giá toàn bộ hệ thống giáo dục và đào tạo hiện nay: trên cơ sở rà soát đánh giá hệ thống giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay kết hợp với các dữ liệu về xu hướng phát triển nguồn nhân lực, dự báo thị trường lao động, quy mô, tốc độ gia tăng dân số dự đoán, dự báo chính xác khoa học về quy mô, tốc độ tăng trưởng dân số và nhu cầu về nguồn nhân lực của nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện

đại hóa và hội nhập quốc tế để thực hiện tốt công tác quy hoạch, sắp xếp, kiện toàn mạng lưới hệ thống giáo dục quốc gia đảm bảo tính thống nhất, hợp lý, thích ứng và chất lượng.

Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong công tác giáo dục và đào tạo: Nhà nước cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế về thu hút đầu tư, miễn, giảm thuế, thực hiện đối tác công - tư, hợp tác quốc tế trong giáo dục theo hướng xã hội hóa và giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm huy động mọi nguồn lực tham gia cho hoạt động giáo dục đào tạo, tạo tính chủ động, linh hoạt cho các cơ sở, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục đào tạo.

Bốn là, liệt kê và công bố các danh mục, ngành nghề, vùng, miền được khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi khi tham gia đầu tư vào hoạt động giáo dục và đào tạo: chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương và địa phương liệt kê công bố danh mục, ngành, nghề vùng, miền, khu vực được khuyến khích, ưu đãi đầu tư trong hoạt động giáo dục để kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động giáo dục và đào tạo cùng với nguồn lực nhà nước góp phần giải quyết những khó khăn trong giáo dục.

5.1.3. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước giáo dục và đào tạo

Một là, hoàn thiện thể chế và thiết chế tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo từ trung ương đến địa phương gồm cơ quan thẩm quyền chung thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên phạm vi lãnh thổ, địa phương và cơ quan thẩm quyền riêng (cơ quan chuyên môn) thực hiện chức năng quản lý và tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng hoàn thiện tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế quản lý, tham mưu, phối hợp, hướng dẫn, tạo động lực cho hoạt động giáo dục trong đó có việc huy động nguồn lực xã hội tham gia.

Hai là, xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, mối quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo cần làm rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm, cơ chế vận hành, phối hợp,... tránh tình trạng trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ sót trong công tác quản lý giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực liên quan.

Ba là, nghiên cứu và thực hiện việc phân cấp quản lý nhà nước giữa cấp trung ương và địa phương, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức bộ máy, hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ giáo dục và đào tạo của mình.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp: xây dựng hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục theo từng khả năng, điều kiện của từng tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần xã hội trong và ngoài nước.

5.1.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Một là, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về tiêu chí, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp vị trí việc làm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: căn cứ quy định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chí, tiêu chuẩn chức danh làm cơ sở cho việc bố trí sử dụng đúng, trúng phát huy năng lực và khả năng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành giáo dục, tránh tình trạng lãng phí của việc bố trí thiên về số lượng, chỉ tiêu.

Hai là, có cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ, khen thưởng, động viên: cần có cơ chế khen thưởng, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tâm, có

tâm, có tài công tác tại cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại cơ sở giáo dục và đào tạo, mạnh dạn thực hiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, nhà khoa học được đào tạo từ các cơ sở đào tạo danh tiếng của nước ngoài có năng lực, thành tích hoạt động thực tiễn tốt.

Ba là, thực hiện việc tham vấn, mời tư vấn của đội ngũ chuyên gia: trong điều kiện cần thiết, phù hợp có thể xem xét mời đội ngũ chuyên gia nước ngoài tham vấn chính sách, thực hiện việc chuyển giao trí thức và đào tạo, tác nghiệp công tác quản lý nhà nước giáo dục và đào tạo nhất là những nội dung kinh nghiệm về xây dựng phát triển chương trình đào tạo, đánh giá, kiểm định chất lượng, quản trị hiệu quả, kinh nghiệm huy động nguồn lực xã hội tham gia hoạt động giáo dục và đào tạo.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên gia nghiên cứu, thực hành giáo dục: nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ chuyên gia bằng các hình thức loại hình thiết thực để có phẩm chất, đủ năng lực trong việc tham mưu chính sách, nhất là chính sách về công tác xã hội hóa và quản lý nguồn lực giáo dục.

5.1.5. Về cơ chế kiểm tra, giám sát

Một là, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục và đào tạo trong đó có cơ chế kiểm tra, giám sát của nhà nước và cơ chế kiểm tra, giám sát của nhân dân, tổ chức xã hội đối với hoạt động giáo dục và đào tạo.

Hai là, có cơ chế cụ thể nhằm bảo đảm phát huy vai trò người dân, tổ chức, doanh nghiệp, xã hội tham gia đóng góp và thực hiện các hoạt động giáo dục và đào tạo một cách thiết thực cụ thể từ việc xây dựng nội dung chương trình đến triển khai thực hiện, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo.

Ba là, thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, tư vấn, thúc đẩy công tác thanh, kiểm tra trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc các loại

hình để góp phần nâng cao chất lượng, hoàn thiện công tác quản lý và hoạt động chuyên môn của các đơn vị này.

Bốn là, phát hiện kịp thời, xử lý, chấn chỉnh đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong giáo dục, lợi dụng công tác xã hội hóa để trục lợi từ đầu tư giáo dục, có cơ chế động viên khen thưởng kịp thời những tổ chức cá nhân thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

5.2. Về chính sách xã hội hóa

Một là, đối với nhóm chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, cần quy định cụ thể về thời gian, hình thức, số lượng, đơn giá, mức giá cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất; giao đất, cho thuê đất; cách tính lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi về tín dụng; huy động vốn; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; khen thưởng; xử lý tài sản khi chuyển đổi hình thức hoạt động của cơ sở giáo dục và đào tạo.

Hai là, đối với nhóm chính sách về tài chính, có chính sách cụ thể về các nguồn thu của cơ sở thực hiện xã hội hóa, cách thức phân phối kết quả tài chính, các loại giá dịch vụ giáo dục của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Ba là, đối với nhóm chính sách về trách nhiệm xã hội hóa, nêu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ sở xã hội hóa, người đứng đầu, tổ chức cá nhân tham gia hoạt động xã hội hóa giáo dục.

Bốn là, đối với nhóm chính sách về cơ chế quản lý, xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương, người có trách nhiệm trong thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và ngành, lĩnh vực có liên quan.

6. KẾT LUẬN

Tóm lại, xã hội hóa công tác giáo dục không có nghĩa là Nhà nước buông bỏ, giảm nguồn lực đầu tư cho các hoạt động giáo dục, trái lại, xã hội hóa công tác này nhằm đa dạng hóa nguồn lực, loại hình giáo dục và đào tạo để huy động, thu hút thêm các nguồn lực cùng với nhà nước tăng thêm nguồn lực đầu tư hoạt động

giáo dục và đào tạo đảm bảo thực hiện thành công việc về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu về giáo dục ngày càng cao của xã hội hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số: 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Chính phủ (1997), *Nghị quyết số 90/CP ngày 21 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa*.
4. Chính phủ (1999), *Nghị quyết số 73/1999/NQ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa*.
5. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa*.
8. Chính phủ (2008), *Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường*.
9. Chính phủ (2012), *Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án “Đổi mới cơ chế và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”*.
10. Chính phủ (2014), *Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường*.
11. Viện Khoa học giáo dục (2005), *Xã hội hóa giáo dục*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Mai Ngọc Cường (2013), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.